| CANTHOWASSCO | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ | Mã số:BM.PTNQT.05.03 |
|---|---|---|
| | | Lần ban hành: 01 |
| | PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH | Hiệu lực: 31/7/2020 |
| | | Trang: 1/1 |

| | |
|---|---|
| - *Tên khách hàng/Cty:* Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ. | - *Số:* 07/BV |
| - *Địa chỉ:* số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. | |
| - *Tên mẫu:* Nước sạch. | - *Mã số mẫu:* NS.BV.140322.01 |
| - *Địa điểm lấy mẫu:* Nhà máy nước Bông Vang. | |
| - *Tình trạng mẫu:* Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml. | |
| - *Ngày lấy mẫu/nhận mẫu:* 14/3/2022 | - *Ngày trả kết quả:* 31/3/2022 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Phương pháp thử | Tham chiếu QCVN 01-1:2018/BYT | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Độ màu | mg/l Pt-Co | TCVN 6185:2015 - C (*) | 15 | 8,3 |
| 2 | pH | - | TCVN 6492:2011 (*) | 6,5 - 8,5 | 7,58 |
| 3 | Độ đục | NTU | TCVN 6184:2008 (*) | 2 | 0,79 |
| 4 | Mùi vị | - | Cảm quan | Không mùi và vị lạ | Không |
| 5 | Clo dư | mg/l | Test nhanh tại hiện trường | 0,2 - 1 | 0,50 |
| 6 | Coliforms | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014 (E) (**) | <3 | 0 |
| 7 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014 (E)(**) | <1 | 0 |

**Ghi chú:** - (*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017;
- (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử *(thời gian lưu mẫu 03 ngày kể từ ngày ra kết quả).*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thiện Đỉnh**

**PHÒNG QLCL&MT**

**Phạm Hữu Việt**

| CANTHOWASSCO | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ | Mã số:BM.PTNQT.05.03 |
|---|---|---|
| | | Lần ban hành: 01 |
| | PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH | Hiệu lực: 31/7/2020 |
| | | Trang: 1/1 |

| | |
|---|---|
| - *Tên khách hàng/Cty:* Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ. | - *Số:* 08/BV |
| - *Địa chỉ:* số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. | |
| - *Tên mẫu:* Nước sạch. | - *Mã số mẫu:* NS.BV.140322.02 |
| - *Địa điểm lấy mẫu:* Chợ Mỹ Khánh, H. Phong Điền – Nhà máy nước Bông Vang | |
| - *Tình trạng mẫu:* Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml. | |
| - *Ngày lấy mẫu/nhận mẫu:* 14/3/2022 | - *Ngày trả kết quả:* 31/3/2022 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Phương pháp thử | Tham chiếu QCVN 01-1:2018/BYT | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Độ màu | mg/l Pt-Co | TCVN 6185:2015 - C (*) | 15 | 5,7 |
| 2 | pH | - | TCVN 6492:2011 (*) | 6,5 - 8,5 | 7,48 |
| 3 | Độ đục | NTU | TCVN 6184:2008 (*) | 2 | 0,47 |
| 4 | Mùi vị | - | Cảm quan | Không mùi và vị lạ | Không |
| 5 | Clo dư | mg/l | Test nhanh tại hiện trường | 0,2 - 1 | 0,40 |
| 6 | Coliforms | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014 (E) (**) | <3 | 0 |
| 7 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014 (E)(**) | <1 | 0 |

**Ghi chú:** - (*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017;
- (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử *(thời gian lưu mẫu 03 ngày kể từ ngày ra kết quả).*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thiện Đỉnh**

**PHÒNG QLCL&MT**

**Phạm Hữu Việt**

| CANTHOWASSCO | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ | Mã số:BM.PTNQT.05.03 |
|---|---|---|
| | | Lần ban hành: 01 |
| | PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC SẠCH | Hiệu lực: 31/7/2020 |
| | | Trang: 1/1 |

| | |
|---|---|
| - *Tên khách hàng/Cty:* Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ. | - *Số:* 09/BV |
| - *Địa chỉ:* số 2A, Nguyễn Trãi, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. | |
| - *Tên mẫu:* Nước sạch. | - *Mã số mẫu:* NS.BV.140322.03 |
| - *Địa điểm lấy mẫu:* Ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Khánh, H. Phong Điền – Nhà máy nước Bông Vang | |
| - *Tình trạng mẫu:* Nước trong, chứa trong chai nhựa 500ml. | |
| - *Ngày lấy mẫu/nhận mẫu:* 14/3/2022 | - *Ngày trả kết quả:* 31/3/2022 |

| Stt | Chỉ tiêu phân tích | Đơn vị | Phương pháp thử | Tham chiếu QCVN 01-1:2018/BYT | Kết quả |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Độ màu | mg/l Pt-Co | TCVN 6185:2015 - C (*) | 15 | <5 |
| 2 | pH | - | TCVN 6492:2011 (*) | 6,5 - 8,5 | 7,69 |
| 3 | Độ đục | NTU | TCVN 6184:2008 (*) | 2 | 0,45 |
| 4 | Mùi vị | - | Cảm quan | Không mùi và vị lạ | Không |
| 5 | Clo dư | mg/l | Test nhanh tại hiện trường | 0,2 - 1 | 0,30 |
| 6 | Coliforms | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014 (E) (**) | <3 | 0 |
| 7 | E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt | CFU/100ml | ISO 9308-1:2014 (E)(**) | <1 | 0 |

**Ghi chú:** - (*) Các phương pháp được công nhận ISO 17025:2017;
- (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử *(thời gian lưu mẫu 03 ngày kể từ ngày ra kết quả).*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Thiện Đỉnh**

**PHÒNG QLCL&MT**

**Phạm Hữu Việt**